

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 179/TTr-TNMT ngày 15/4/2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Fukang Technology, địa chỉ trụ sở chính tại Lô I, khu công nghiệp Quang Châu, phường Nénh và phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy Fukang Hòa Phú” tại Lô CN-09 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam)), KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy Fukang Hòa Phú.

1.2. Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Fukang Technology.

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN-09 ((Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam)), KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400903641 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/01/2021, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 01/02/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9886780225 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 20/6/2023, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 03/4/2024.

1.5. Mã số thuế: 2400903641

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, chi tiết: Sản xuất hạt nhựa PC, hạt nhựa ABS, hạt nhựa PC/ABS.

- Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất nắp trên, nắp dưới của thiết bị đầu thu tivi; nút ấn bằng Silicone; vòng đệm bằng Silicone; nắp dưới loa không dây; khung đỡ linh kiện của loa; module tự động hóa.

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu, chi tiết: Sản xuất thanh trượt tuyến tính; bộ gá kẹp giữ sản phẩm; khay đựng sản phẩm; linh kiện của thiết bị tự động hóa.

- Sản xuất thiết bị điện khác, chi tiết: Sản xuất đầu nối quang.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại Lô CN-09 ((Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam)), KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang với diện tích nhà xưởng 9.840m<sup>2</sup>).

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo quy định pháp luật về đầu tư công); thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

+ Sản xuất hạt nhựa PC, hạt nhựa ABS, hạt nhựa PC/ABS: 9.393.785kg/năm;

+ Sản xuất nắp trên, nắp dưới của thiết bị đầu thu tivi; nút ấn bằng Silicone; vòng đệm bằng Silicone; nắp dưới loa không dây; khung đỡ linh kiện của loa; module tự động hóa: 32.309.105 sản phẩm/năm;

+ Sản xuất thanh trượt tuyến tính; bộ gá kẹp giữ sản phẩm; khay đựng sản phẩm; linh kiện của thiết bị tự động hóa: 28.777 sản phẩm/ năm;

+ Sản xuất đầu nối quang: 4.667 sản phẩm/năm, tương đương 177.570 kg/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Fukang Technology được cấp Giấy phép môi trường.

1. Công ty TNHH Fukang Technology có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Fukang Technology có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 09 (chín) năm 11 (mười một) tháng, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Hiệp Hòa, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy Fukang Hòa Phú” tại lô CN-09, KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Fukang Technology được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 225/QĐ-TNMT ngày 21/3/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Fukang Technology được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Hiệp Hòa; Công ty TNHH Hòa Phú Invest; Công ty TNHH Fukang Technology và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Công thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN<sup>Việt Anh</sup>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Toàn bộ nước thải phát sinh của dự án được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 55 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) ((đơn vị cho thuê nhà xưởng xây dựng, quản lý và vận hành theo Hợp đồng cho thuê lại nhà xưởng số 230316/HDTX/LANCER-FUKANG ngày 17/3/2023 giữa Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) và Công ty TNHH Fukang Technology)) đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú ((theo Văn bản chấp thuận đầu nối hạ tầng KCN Hòa Phú số 46/2021/CV-HPI ngày 05/3/2021 đã ký kết giữa Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) và Công ty TNHH Hòa Phú Invest)); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn (gồm 01 bể thể tích 15m<sup>3</sup>, 01 bể thể tích 30m<sup>3</sup>), sau đó theo đường ống đường ống HDPE 200-250 với tổng chiều dài khoảng 154m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 55m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của khu công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hòa Phú để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ quá trình làm nguội trong quy trình sản xuất hạt nhựa được dự án tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ bổ sung nước và 02 tháng/lần thay nước với lưu lượng khoảng 10m<sup>3</sup>/lần. Nước thải thải bỏ sẽ được đầu nối bằng đường ống DN 300 với tổng chiều dài khoảng 25m dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 55m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của khu công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Hòa Phú.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 55m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam): Nước thải sản xuất phát sinh của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) và nước làm nguội từ quy trình sản xuất hạt nhựa của công ty TNHH Fukang Technology → Bể thu gom nước thải sản xuất → Bể điều hòa nước thải sản xuất → Bể trung hòa → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý, sau đó thu gom cùng nước thải sinh hoạt của cả 2 Công ty (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn) → Bể thu gom nước thải sinh hoạt) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) → Hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa ( *Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Phú*).

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ hóa lý kết hợp vi sinh MBBR.

- Công suất thiết kế: 55m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Men vi sinh 6 kg/tháng, mật rỉ đường 18 kg/tháng, methanol 60 kg/tháng, Clorine 15 kg/tháng, NaOH 150 kg/tháng, PAC 300 kg/tháng, Polyme 25 kg/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố đối với hệ thống thu gom, thoát nước thải:

Do đơn vị cho thuê nhà xưởng là Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) chịu trách nhiệm thực hiện; chủ dự án phối hợp kiểm soát, thực hiện các biện pháp hỗ trợ phòng ngừa, khắc phục theo quy định.

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án về hệ thống xử lý nước thải công suất 55m<sup>3</sup>/ngày đêm của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam) để xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của khu công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B) trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Hòa Phú. Không được lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

1. Nguồn phát sinh khí thải: 03 nguồn

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn ép đùn;
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn phối màu;
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền hạt nhựa lõi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

2.1. Dòng khí thải: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tập trung công đoạn ép đùn, công đoạn phối màu, và công đoạn nghiền hạt nhựa lõi.

2.2. Vị trí xả khí thải:

01 vị trí tại ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải tập trung công đoạn ép đùn, công đoạn phối màu và công đoạn nghiền hạt nhựa lõi. Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ ): X = 234 9866; Y = 392 592.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 36.427 m<sup>3</sup>/giờ tương đương 874.248m<sup>3</sup>/ngày (thời gian làm việc 24 giờ/ngày).

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của công ty (thời gian làm việc: 24giờ/ngày).

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ*) và QCVN 20:2009/BTNMT (*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ*), cụ thể như sau:

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B ( $K_p = 0,9$ ; $K_v = 1$ )	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	-	Căn cứ khoản 2 Điều 98,
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180	-	Nghị định 08/2022/NĐ
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450	-	-CP dự án
4	NO <sub>x</sub> (tính theo	mg/Nm <sup>3</sup>	765	-	không thuộc

TT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B ( $K_p = 0,9$ ; $K_v = 1$ )	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ
	NO <sub>2</sub> )				đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với khí thải.
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900	-	
6	Etylbenzen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	870	
7	Styren	mg/Nm <sup>3</sup>	-	100	
8	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	-	750	
9	Formandehyt	mg/Nm <sup>3</sup>	-	20	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ công đoạn ép đùn, bụi từ công đoạn phối màu, bụi từ công đoạn nghiền hạt nhựa lõi được bố trí các chụp hút kích thước (Dài x rộng x cao) là (400x400x200) và (800x600x200) thu gom theo đường ống dẫn Ø300, Ø500, Ø630 và Ø800 có tổng chiều dài khoảng 42,3m đưa đến hệ thống tháp dập bụi (sử dụng nước sạch), sau đó được đưa đến hệ thống hộp hấp phụ than hoạt tính tiếp tục xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải tập trung: Khí thải phát sinh từ công đoạn ép đùn, bụi phát sinh từ công đoạn phối màu, bụi phát sinh từ công đoạn nghiền hạt nhựa lõi → chụp hút → đường ống dẫn khí thải → Tháp dập bụi → Hộp hấp phụ than hoạt tính → Ống thoát khí thải (*Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT*).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý: 36.427 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính khoảng 2.000 kg/năm; Nước khoảng 5m<sup>3</sup>/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### 1.4. Biện pháp, công trình thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

##### 1.4.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong

hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Chủ án tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố

#### 1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

- Sơ tán công nhân ra khỏi khu vực sản xuất

- Nhân viên kỹ thuật mặc đồ bảo hộ lao động tiến hành kiểm tra, phát hiện ra nguyên nhân dẫn đến sự cố để khắc phục. Nếu sự cố mang tính phức tạp cần liên hệ với bên lắp đặt chịu trách nhiệm về hệ thống để tìm ra biện pháp khắc phục nhanh chóng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 10/7/2024 đến ngày 10/10/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải tập trung công đoạn ép đùn, công đoạn phối màu và công đoạn nghiền hạt nhựa lõi.

2.3. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải tập trung công đoạn ép đùn, công đoạn phối màu và công đoạn nghiền hạt nhựa lõi.

2.4. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*theo nội dung được cấp phép tại Phần A phục lục này*).

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Hạng mục	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
Khí thải tại ống thoát khí của Hệ thống xử lý khí thải tập trung	Giai đoạn vận hành ổn định lấy mẫu đơn 01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp, cụ thể: Lần 1: Ngày 26/8/2024 Lần 2: Ngày 27/8/2024 Lần 3: Ngày 28/8/2024.	Lưu lượng; Bụi tổng; SO <sub>2</sub> ; NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ); CO; Etylbenzen; Styren; Toluene; Formandehyt	-QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B (Kp=0,9;Kv=1) ;-QCVN 20:2009/ BTNMT.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang, UBND huyện Hiệp Hòa để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh:** 3 nguồn

- + Nguồn số 1: Từ máy móc, thiết bị tại nhà xưởng tầng 1
- + Nguồn số 2: Từ máy móc, thiết bị tại nhà xưởng tầng 2
- + Nguồn số 3: Từ hệ thống xử lý khí thải

**2. Vị trí phát sinh:** 03 vị trí (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>)

- + Vị trí 01: Tại nhà xưởng tầng 1: Tọa độ: X = 234 9650 ; Y = 392 443.
- + Vị trí 02: Tại nhà xưởng tầng 2: Tọa độ: X = 234 9651 ; Y = 392 441.
- + Vị trí 03: Tại hệ thống xử lý khí thải: Tọa độ: X =234 9863; Y=392 590.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- + Bê tông hóa đường nội bộ;
- + Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án;
- + Quy định tốc độ tối đa của xe vận chuyển, đi lại ra vào dự án.
- + Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ;
- + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân;
- + Xây dựng lịch trình sản xuất hợp lý làm giảm mật độ các loại phương tiện vận chuyển trong cùng một thời điểm.
- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:
  - + Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc, thiết bị có độ rung cao.
  - + Tính toán thiết kế các máy móc có đủ khối lượng, chiều sâu để làm giảm độ rung của thiết bị và bảo dưỡng thiết bị máy.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên.

<b>Stt</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>
1	Hộp mực in thải	Rắn	5
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	80
3	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	2.000
4	Bao bì mềm thải	Rắn	200
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	150
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	100
7	Mực in thải	Rắn	2
8	Ắc quy chì thải	Rắn	100
9	Các loại pin khác	Rắn	200
10	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	49.920
11	Các loại dầu động cơ, hộp số, dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	150
12	Đầu mẫu thừa, phoi kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	1.573
	<b>Tổng</b>		<b>54.480</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng
1	Bìa, giấy vụn, băng dính, nilon không dính dầu	Kg/năm	200
2	Nguyên liệu đầu vào lỗi, hỏng (không chứa thành phần nguy hại)	Kg/năm	1.039
3	Đầu mẫu thừa, phoi kim loại	Kg/năm	1.570
4	Đầu mẫu, bavias nhựa	Kg/năm	2.624
5	Hạt nhựa lõi hỏng	Kg/năm	939
<b>Tổng</b>			<b>6.372</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 100,5kg/ngày tương đương khoảng 31.356kg/năm. Thành phần chủ yếu bao gồm túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy,... phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 10-12 thùng chứa chất thải chuyên dụng dung tích 120lít/thùng, có nắp đậy, mỗi loại chất thải đựng vào thùng chứa riêng, trên mỗi thùng có dán mã chất thải tương ứng, biển dấu hiệu cảnh báo, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 01 kho chứa diện tích 15m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa có mái che, lắp đặt cửa ra vào, có khóa, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH; bên trong kho chứa bố trí đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài, mặt sàn trong khu lưu giữ đảm bảo kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn vào từ bên ngoài.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng chuyên nghiệp, xử lý CTNH theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 02 ngày/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải dung tích 120 lít/thùng để thu gom các loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh, lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sản xuất thông thường.

### 2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải: 02 kho chứa có diện tích lần lượt là 55m<sup>2</sup> và 95m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho chứa được đặt bên trong nhà xưởng, được ngăn cách ở khu riêng biệt, trên cửa có dán biển tên đúng quy cách.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 01 tuần/lần hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa chất thải có dung tích 60-120 lít/thùng đặt tại khu vực văn phòng, nhà xưởng để thu gom và phân loại chất thải phát sinh tại nguồn, sau đó được lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

#### 2.3.2. Kho /khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: Kho chứa diện tích 12m<sup>2</sup>
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho xây bằng gạch, nền láng xi măng, trên cửa có lắp biển tên đúng quy cách.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để vận chuyển và xử lý theo đúng quy định, tần suất dự kiến khoảng 1 lần/ngày (vào cuối ngày) hoặc căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý khí thải. Chỉ tiếp tục hoạt động sản xuất sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /4/2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

---

**Công ty TNHH Fukang Technology có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Lancer Optical (Việt Nam)) đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nổi của KCN Hòa Phú theo quy định.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hiệp Hòa trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 179/TTr-TNMT ngày 15/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.